

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin.
2. Mã chứng khoán: TCS
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
4. Điện thoại: 0203.3862337, Fax: 0203.3863945
5. Người thực hiện công bố thông tin: Doãn Mạnh Hà

Địa chỉ: Số nhà 11, Phố Võ Huy Tâm, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Điện thoại: DD:0912330997, Cơ quan: 02033711309, Nhà riêng: 0203 3713183

Fax: 0203 3863945

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1. Báo cáo tài chính năm 2018 sau kiểm toán của Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin bao gồm: BCĐKT, KQSXKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận so với BCTC trước kiểm toán.

7. Toàn bộ báo cáo tài chính được đăng tải vào ngày 08/03/2019 tại đường dẫn www.thancaoson.com.vn chọn mục quan hệ cổ đông, báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Ủy viên HĐQT, BKS
- Lưu VT, VP HĐQT

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Doãn Mạnh Hà

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 50

140640
CÔNG TY
VHIỆM H
PKF
T NA
UÂN -

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2041/QĐ-BCN ngày 8/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 25/03/2011. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số 5700101098, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017, vốn điều lệ của Công ty là 268.467.730.000 VND, được chia thành 26.846.773 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	13.693.500	51%
2	Các đối tượng khác	13.153.273	49%
Cộng		26.846.773	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Hồng Tài	Chủ tịch
- Ông Phạm Văn Long	Ủy viên
- Ông Phạm Thành Đông	Ủy viên
- Ông Phạm Hồng Lương	Ủy viên
- Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên

Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Thành Đông	Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc
- Ông Phạm Quốc Việt	Phó Giám đốc
- Ông Vương Văn Biên	Phó Giám đốc
- Ông Mai Huy Giáp	Phó Giám đốc
- Ông Trần Tuấn Anh	Kế toán trưởng



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|--------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Lan Chi | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Duy Tiến | Ủy viên |
| - Bà Nguyễn Thị Bích Hải | Ủy viên |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019



Phạm Thành Đông

3134
CÔ
ÁCH NI
P
VIỆ
H X

Số: 22 /2019/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 50 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

10640
CÔNG TY
KẾM HỮU
PKF
HÀ NỘI
HÀ NỘI

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

Nguyễn Thị Thương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3381-2015-242-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		939.933.142.526	584.312.036.626
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		368.101.547	195.008.035
Tiền	111	5.1	368.101.547	195.008.035
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	6.539.700.000	12.425.430.000
Chứng khoán kinh doanh	121		21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(15.259.300.000)	(9.373.570.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		495.951.369.864	17.198.173.781
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	483.107.465.303	2.281.014.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.298.944.352	9.122.125
Các khoản phải thu khác	136	5.4	11.544.960.209	14.908.037.059
Hàng tồn kho	140	5.5	321.394.368.997	270.230.730.710
Hàng tồn kho	141		324.943.175.025	274.963.350.519
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.548.806.028)	(4.732.619.809)
Tài sản ngắn hạn khác	150		115.679.602.118	284.262.694.100
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	107.234.837.006	283.935.698.823
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.12	8.444.765.112	326.995.277
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.353.335.687.749	1.299.353.038.539
Các khoản phải thu dài hạn	210		74.733.214.095	67.095.002.079
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	74.733.214.095	67.095.002.079
Tài sản cố định	220		787.779.692.236	918.856.016.121
TSCĐ hữu hình	221	5.7	787.722.612.718	918.700.668.795
- Nguyên giá	222		3.008.258.575.962	2.930.540.824.289
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.220.535.963.244)	(2.011.840.155.494)
TSCĐ vô hình	227	5.8	57.079.518	155.347.326
- Nguyên giá	228		945.276.690	1.842.376.690
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(888.197.172)	(1.687.029.364)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		83.615.999.705	105.254.673.924
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	83.615.999.705	105.254.673.924
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		407.206.781.713	208.147.346.415
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	406.298.012.505	207.755.992.185
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		908.769.208	391.354.230
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.293.268.830.275	1.883.665.075.165

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.953.887.839.057	1.575.010.113.286
Nợ ngắn hạn	310		1.521.706.566.043	1.090.303.129.315
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	552.500.109.556	433.934.931.017
Người mua trả tiền trước	312		-	235.541.350
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	90.567.377.599	67.687.591.753
Phải trả người lao động	314		88.875.142.631	69.645.911.052
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	288.669.863	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	231.917.364.273	50.495.021.089
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	529.527.311.520	453.727.118.619
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.030.590.601	14.577.014.435
Nợ dài hạn	330		432.181.273.014	484.706.983.971
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	429.185.619.425	484.706.983.971
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.995.653.589	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		339.380.991.218	308.654.961.879
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	339.380.991.218	305.786.854.919
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.467.730.000	268.467.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		268.467.730.000	268.467.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		347.757.112	347.757.112
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.565.504.106	36.971.367.807
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.210.163.977
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.565.504.106	35.761.203.830
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	2.868.106.960
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	2.868.106.960
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.293.268.830.275	1.883.665.075.165

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Phạm Thành Đông

Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.702.159.944.979	3.999.257.892.508
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		4.702.159.944.979	3.999.257.892.508
Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.402.712.572.551	3.649.370.272.214
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		299.447.372.428	349.887.620.294
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.156.568.765	2.043.435.876
Chi phí tài chính	22	6.4	84.221.796.383	88.414.353.328
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		78.336.066.383	89.851.911.475
Chi phí bán hàng	24	6.7	26.197.129.519	20.917.886.401
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	110.731.301.024	201.952.302.598
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.453.714.267	40.646.513.843
Thu nhập khác	31	6.5	22.115.473.114	10.704.813.249
Chi phí khác	32	6.6	12.447.380.558	6.427.442.651
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.668.092.556	4.277.370.598
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.121.806.823	44.923.884.441
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	19.556.302.717	9.162.680.611
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		70.565.504.106	35.761.203.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.628	1.332

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC









Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

140
NG
HIỆ
K
T
UAI

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

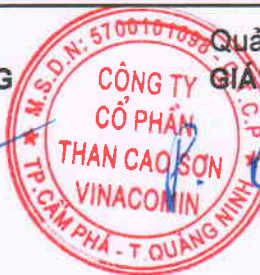
CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	90.121.806.823	44.923.884.441
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	290.208.909.430	191.883.604.322
Các khoản dự phòng	03	4.701.916.219	(77.585.578.140)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.663.749.001)	(6.085.584.851)
Chi phí lãi vay	06	78.336.066.383	89.851.911.475
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	460.704.949.854	242.988.237.247
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(492.380.774.918)	138.049.383.486
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(50.497.239.484)	(35.640.711.339)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	356.230.136.547	61.592.450.290
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(21.841.158.503)	(27.801.753.935)
Tiền lãi vay đã trả	14	(78.047.396.520)	(89.851.911.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.372.623.320)	(1.556.050.749)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	638.000.000	1.119.616.327
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.792.033.721)	(4.358.966.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	147.641.859.935	284.540.293.852
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(160.326.684.763)	(94.241.744.932)
Tiền thu từ nhượng quyền, nhượng quyền TSCĐ và các TSCĐ khác	22	507.180.236	6.039.525.252
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.165.749	51.278.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(159.791.338.778)	(88.150.941.380)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33 7.1	2.725.749.095.813	1.902.895.165.447
Tiền trả nợ gốc vay	34 7.2	(2.705.470.267.458)	(2.099.290.990.348)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.956.256.000)	(20.719.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.322.572.355	(196.416.544.401)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	195.008.035	222.199.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	368.101.547	195.008.035

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2041/QĐ-BCN ngày 8/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 25/03/2011. Công ty hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số 5700101098, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khai thác, chế biến và kinh doanh than. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 2.486 người, trong đó số cán bộ quản lý là 154 người

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Quyết định số 31/TKV-KTTC ngày 04/01/2019 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 23.155 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.245 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.245 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa Nhập trước xuất trước
- Nhiên liệu Bình quân gia quyền
- Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 05 - 35 năm
- Máy móc thiết bị: 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 04 - 06 năm

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với TSCĐ hữu hình là máy móc trang thiết bị, phương tiện vận tải với hệ số trích khấu hao nhanh là 2 lần. Ước tính số chi phí ghi nhận trong năm 2018 tăng thêm do việc trích khấu hao nhanh đã nêu là 120.771.646.623 đồng.

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 05 năm

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là Tương đương tiền;
- + Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- + Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm phí cấp quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch tương ứng. Chi phí phải trả của Công ty gồm phí sử dụng thương hiệu Vinacomin và các chi phí phải trả khác.

4.13. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí (chi phí bóc đất, chi phí sửa chữa lớn,...).

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số 5700101098, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, vốn điều lệ 268.467.730.000 VND được chia thành 26.846.773 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	Tỷ lệ
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	136.935.000.000	136.935.000.000	100%
Các cổ đông khác	131.532.730.000	131.532.730.000	100%
Cộng	268.467.730.000	268.467.730.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

51344
CÔNG
CH NHỊ
PI
VIỆT
XUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tạm tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

1640-C
CÔNG TY
HỮU
F
NAM
N-T

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 245.618.893	2.390.520
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 122.482.654	192.617.515
Cộng	<u>368.101.547</u>	<u>195.008.035</u>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	245.618.893
Cộng	-	<u>245.618.893</u>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	-	122.482.654
NH TMCP Công Thương VN - CN Cẩm Phả	-	14.983.594
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Cẩm Phả	-	15.243.723
NH TMCP Ngoại Thương VN - CN Quảng Ninh	-	23.206.214
NH TMCP Quân Đội - CN Quảng Ninh	-	4.904.855
NH TMCP Hàng Hải VN - CN Cẩm Phả	-	27.988.681
NH TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Quảng Ninh	-	16.679.787
NH TMCP Quốc Tế - CN Cẩm Phả	-	15.976.459
NH TMCP Á Châu - CN Đông đô	-	3.499.341
Ngoại tệ	-	-
Cộng	-	<u>122.482.654</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (VND)
Chứng khoán kinh doanh:	21.799.000.000	6.539.700.000	21.799.000.000	12.425.430.000
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	21.799.000.000	6.539.700.000	21.799.000.000	12.425.430.000
<u>Bên liên quan:</u>	21.799.000.000	6.539.700.000	21.799.000.000	12.425.430.000
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.3 Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	483.107.465.303	2.281.014.597
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	216.215.648.287	483.187.507
Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản	-	561.266.860
Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	266.348.113.244	865.506.565
Các khoản phải thu khách hàng khác	543.703.772	371.053.665
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Cộng	483.107.465.303	2.281.014.597

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại phụ biểu số 04)

5.4 Phải thu khác

	<u>31/12/2018</u> (VND)		<u>01/01/2018</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	11.544.960.209	-	14.908.037.059	-
Vé ăn công nghiệp	2.089.246.307	-	2.184.844.307	-
Tiền thu CBCNV - Công trình làng CN Cao Sơn	6.640.905.424	-	6.472.612.924	-
Thuế thu nhập cá nhân	605.146.358	-	533.470.137	-
Hỗ trợ sắp xếp đổi mới cơ cấu chất lượng lao động	1.257.750.000	-	-	-
Phải thu khác	951.912.120	-	5.717.109.691	-
b. Dài hạn	74.733.214.095	-	67.095.002.079	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	67.495.162.000	-	61.985.353.000	-
Lãi ký quỹ BVMT	7.238.052.095	-	5.109.649.079	-
Cộng	86.278.174.304	-	82.003.039.138	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.354.141.081	(3.548.806.028)	16.447.450.514	(4.732.619.809)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	211.535.632.145	-	203.064.388.306	-
Thành phẩm	99.053.401.799	-	55.451.511.699	-
Cộng	324.943.175.025	(3.548.806.028)	274.963.350.519	(4.732.619.809)

- Phần giá trị giảm giá của hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không còn khả năng sử dụng tại thời điểm cuối năm: 3.548.806.028 đồng.

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	83.615.999.705	105.254.673.924
- Dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn	81.455.417.500	104.575.774.210
- Dự án khác	2.160.582.205	678.899.714
Sửa chữa	-	-
Cộng	83.615.999.705	105.254.673.924

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	259.493.949.137	827.782.164.543	1.822.785.997.872	20.478.712.737	2.930.540.824.289
- Mua trong năm	-	33.362.653.325	111.335.620.002	1.673.915.616	146.372.188.943
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.089.903.824	3.518.203.259	-	-	14.608.107.083
- Tặng khác	-	311.000.000	10.000.000	-	321.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(2.249.888.121)	(10.496.747.122)	(69.544.508.249)	(364.972.759)	(82.656.116.251)
- Giảm khác	(617.428.102)	(310.000.000)	-	-	(927.428.102)
Số dư cuối năm	267.716.536.738	854.167.274.005	1.864.587.109.625	21.787.655.594	3.008.258.575.962
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	94.164.153.896	588.937.392.972	1.317.226.918.824	11.511.689.802	2.011.840.155.494
- Khấu hao trong năm	11.692.022.701	80.505.494.223	193.835.019.676	4.078.105.022	290.110.641.622
- Hao mòn trong năm	1.299.739.623	-	171.399.000	62.343.756	1.533.482.379
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.249.888.121)	(10.496.747.122)	(69.544.508.249)	(364.972.759)	(82.656.116.251)
- Giảm khác	(292.200.000)	-	-	-	(292.200.000)
Số dư cuối năm	104.613.828.099	658.946.140.073	1.441.688.829.251	15.287.165.821	2.220.535.963.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	165.329.795.241	238.844.771.571	505.559.079.048	8.967.022.935	918.700.668.795
Tại ngày cuối năm	163.102.708.639	195.221.133.932	422.898.280.374	6.500.489.773	787.722.612.718
Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:					543.604.390.159
Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:					1.178.298.463.474
Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:					190.173.345.126

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	1.842.376.690	-	1.842.376.690
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(897.100.000)	-	(897.100.000)
Số dư cuối năm	-	945.276.690	-	945.276.690
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	-	1.687.029.364	-	1.687.029.364
- Khấu hao trong năm	-	98.267.808	-	98.267.808
- Thanh lý, nhượng bán	-	(897.100.000)	-	(897.100.000)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	888.197.172	-	888.197.172
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	155.347.326	-	155.347.326
Tại ngày cuối năm	-	57.079.518	-	57.079.518

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	107.234.837.006	283.935.698.823
Công cụ, dụng cụ	60.270.321.329	58.324.666.937
Chi phí bảo hiểm xe cơ giới	2.859.315.406	2.555.436.173
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	44.105.200.271	223.055.595.713
b. Dài hạn	406.298.012.505	207.755.992.185
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	4.338.719.046	10.614.408.231
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	273.466.488.563	114.751.929.563
Phí sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản	21.340.626.897	25.271.020.979
Công cụ, dụng cụ	45.531.600.218	12.086.276.186
Chi phí sửa chữa lớn	55.460.493.311	44.190.158.761
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.160.084.470	842.198.465
Cộng	513.532.849.511	491.691.691.008



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018		31/12/2018			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	(VND)	(VND)			(VND)	(VND)
a. Vay ngắn hạn	231.066.625.039	231.066.625.039	2.492.298.561.072	2.469.645.824.137	253.719.361.974	253.719.361.974
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>	<i>231.066.625.039</i>	<i>231.066.625.039</i>	<i>2.492.298.561.072</i>	<i>2.469.645.824.137</i>	<i>253.719.361.974</i>	<i>253.719.361.974</i>
NH TMCP Công thương - CN QN	170.915.419.611	170.915.419.611	1.127.993.219.535	1.214.802.684.553	84.105.954.593	84.105.954.593
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN QN	32.791.205.428	32.791.205.428	122.899.959.461	155.691.164.889	-	-
NH TMCP ĐT& và PT VN - CN QN	27.360.000.000	27.360.000.000	1.221.405.382.076	1.079.151.974.695	169.613.407.381	169.613.407.381
NH TMCP Quân đội	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
b. Vay dài hạn	707.367.477.551	707.367.477.551	233.450.534.741	235.824.443.321	704.993.568.971	704.993.568.971
<i>Từ 1 đến dưới 5 năm</i>	<i>158.808.000.000</i>	<i>158.808.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>89.696.000.000</i>	<i>189.112.000.000</i>	<i>189.112.000.000</i>
NH TMCP Quốc tế - CN QN	8.808.000.000	8.808.000.000	-	4.396.000.000	4.412.000.000	4.412.000.000
NH TMCP Quân đội	150.000.000.000	150.000.000.000	120.000.000.000	85.300.000.000	184.700.000.000	184.700.000.000
<i>Từ 5 năm trở lên</i>	<i>548.559.477.551</i>	<i>548.559.477.551</i>	<i>113.450.534.741</i>	<i>146.128.443.321</i>	<i>515.881.568.971</i>	<i>515.881.568.971</i>
NH TMCP Công thương - CN QN	31.705.401.580	31.705.401.580	28.699.329.741	11.409.731.321	48.995.000.000	48.995.000.000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN QN	357.330.570.926	357.330.570.926	-	91.174.696.000	266.155.874.926	266.155.874.926
NH TMCP Quốc tế - CN QN	40.196.325.045	40.196.325.045	-	16.988.000.000	23.208.325.045	23.208.325.045
NH TMCP Ngoại thương - CN CP	79.970.000.000	79.970.000.000	-	16.400.000.000	63.570.000.000	63.570.000.000
NH TMCP Hàng Hải - CN QN	10.126.800.000	10.126.800.000	84.751.205.000	4.178.320.000	90.699.685.000	90.699.685.000
NH TMCP Á Châu - CN Đông Đô	29.230.380.000	29.230.380.000	-	5.977.696.000	23.252.684.000	23.252.684.000
Cộng	938.434.102.590	938.434.102.590	2.725.749.095.813	2.705.470.267.458	958.712.930.945	958.712.930.945

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

3AAG
 CÔNG
 NHÌE
 PK
 IỆT
 XUAI

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2018 (VND)		31/12/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
NH TMCP Công thương - CN Quảng Ninh	10.412.401.580	10.412.401.580	11.224.000.000	11.224.000.000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh	90.954.696.000	90.954.696.000	87.269.968.546	87.269.968.546
NH TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh	21.384.000.000	21.384.000.000	21.400.000.000	21.400.000.000
NH TMCP ĐT& và PT VN - CN Quảng Ninh	-	-	-	-
NH TMCP Ngoại thương - CN Cẩm Phả	16.400.000.000	16.400.000.000	16.800.000.000	16.800.000.000
NH TMCP Hàng Hải - CN QN	2.531.700.000	2.531.700.000	18.436.285.000	18.436.285.000
NH TMCP Á Châu - CN Đông Đô	5.977.696.000	5.977.696.000	5.977.696.000	5.977.696.000
NH TMCP Quân đội	75.000.000.000	75.000.000.000	114.700.000.000	114.700.000.000
	222.660.493.580	222.660.493.580	275.807.949.546	275.807.949.546

d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính

d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	453.727.118.619	453.727.118.619	529.527.311.520	529.527.311.520
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	484.706.983.971	484.706.983.971	429.185.619.425	429.185.619.425
Cộng	938.434.102.590	938.434.102.590	958.712.930.945	958.712.930.945

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	552.500.109.556	552.500.109.556	433.934.931.017	433.934.931.017
Công ty cổ phần vật tư – TKV	47.995.095.780	47.995.095.780	51.338.806.687	51.338.806.687
Công ty cổ phần Hàng Hải Quảng Hưng	61.223.513.107	61.223.513.107	28.345.808.341	28.345.808.341
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	24.390.529.482	24.390.529.482	19.746.232.282	19.746.232.282
Công ty cổ phần công nghiệp Tân Tiến	66.811.749.791	66.811.749.791	22.056.192.867	22.056.192.867
Công ty cổ phần Tân Phú Xuân	81.692.048.363	81.692.048.363	142.200.695.148	142.200.695.148
Công ty cổ phần Hoa Sơn	37.928.425.026	37.928.425.026	29.998.866.180	29.998.866.180
Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - vinacomin	-	-	6.121.267.556	6.121.267.556
Công ty cổ Phần Nam Đông Sơn	19.320.143.622	19.320.143.622	10.701.740.224	10.701.740.224
Công ty cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin	28.783.070.025	28.783.070.025	24.069.383.725	24.069.383.725
Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	17.040.000.800	17.040.000.800	13.734.416	13.734.416
Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	9.549.613.621	9.549.613.621	3.256.042.958	3.256.042.958
Công ty cổ phần kim khí Thành Đô	6.013.594.940	6.013.594.940	8.965.897.490	8.965.897.490
Các khách hàng khác	151.752.324.999	151.752.324.999	87.120.263.143	87.120.263.143
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Cộng	552.500.109.556	552.500.109.556	433.934.931.017	433.934.931.017
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				-

Phải trả người bán là các bên liên quan : Phụ biểu 04

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	3.366.984.037	140.577.571.851	143.944.555.888	-
Thuế tài nguyên	49.389.675.839	562.245.471.856	537.275.483.778	74.359.663.917
Thuế nhà đất tiền thuê đất	4.270.772.332	27.651.523.802	31.922.296.134	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.682.087.545	19.556.302.717	12.372.623.320	12.865.766.942
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.376.377.305	1.376.377.305	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.978.072.000	202.729.060.131	204.365.185.391	3.341.946.740
Cộng	67.687.591.753	954.136.307.662	931.256.521.816	90.567.377.599
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-		3.782.529.546	3.782.529.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-	-
Thuế thu nhập cá nhân	326.995.277		2.707.814	329.703.091
Tiền nhà đất và tiền thuê đất			4.332.532.475	4.332.532.475
Cộng	326.995.277		8.117.769.835	8.444.765.112

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	288.669.863	-
Chi phí lãi vay phải trả	288.669.863	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	288.669.863	-

5.14 Phải trả khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	231.917.364.273	50.495.021.089
Kinh phí công đoàn	150.838.380	131.921.956
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	214.789.289	117.013.389
Tiền thưởng cho cá nhân	-	2.657.100.000
Các quỹ phải nộp Tập đoàn TKV	-	35.360.874.040
Quỹ hỗ trợ sắp xếp đổi mới cơ cấu lao động	-	10.441.650.000
TKV bảo lãnh tiền qua ngân hàng	230.000.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.551.736.604	1.786.461.704
b. Dài hạn	-	-
Cộng	231.917.364.273	50.495.021.089
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

5.15 Dự phòng phải trả

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	-	-
Chi phí tập trung đã hình thành TSCĐ	2.995.653.589	-
Cộng	2.995.653.589	-

540-C

TY
HỮU

F

NAM

1-T.F

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quý ĐT PT		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	268.467.730.000							347.757.112	1.210.163.977			270.025.651.089
Tăng vốn trong năm trước												
Lãi/lỗ trong năm trước									35.761.203.830			35.761.203.830
Tăng khác												
Phân phối lợi nhuận												
Giảm khác												
Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay	268.467.730.000							347.757.112	36.971.367.807			305.786.854.919
Tăng vốn trong năm nay												
Lãi trong năm nay									70.565.504.106			70.565.504.106
Tăng khác												
Lỗ trong năm nay												
Phân phối lợi nhuận												
Giảm khác									(36.971.367.807)			(36.971.367.807)
Số dư cuối năm nay	268.467.730.000							347.757.112	70.565.504.106			339.380.991.218

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	136.935.000.000	136.935.000.000
Vốn góp của các Cổ đông	131.532.730.000	131.532.730.000
Cộng	268.467.730.000	268.467.730.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu năm	268.467.730.000	268.467.730.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	268.467.730.000	268.467.730.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Số lượng CP đăng ký phát hành	26.846.773	26.846.773
Số lượng CP đã bán ra công chúng	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu phổ thông	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu phổ thông	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của Công ty

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	347.757.112	347.757.112
Cộng	347.757.112	347.757.112

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

0313
 CC
 RÁCH M
 VIỆ
 VH XI

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn từ trên 1 năm đến 5 năm	157.554.496.000	388.823.446.000
Cộng	157.554.496.000	388.823.446.000

- Giá trị của 02 máy xúc Volvo L180G theo hợp đồng số 4873/HĐ-TCS-KH>SP ngày 11/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kim khí Thành Đô nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 17.337.540.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).
- Giá trị của 01 xe gạt bánh xích Cat D8R theo hợp đồng số 4874/HĐ-TCS-KH>SP ngày 11/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Liên danh Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hải Trung và Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái có nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 10.783.300.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).
- Giá trị của 06 ô tô tải tự đổ khung cứng Cat 777D theo hợp đồng số 4585/HĐ-TCS-KH>SP ngày 29/07/2014 giữa Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Liên danh Công ty cổ phần Kim khí Thành Đô và Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái có nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 129.433.656.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

1406
NG
HIEM
K
T N
AN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.702.159.944.979	3.999.257.892.508
Doanh thu bán thành phẩm	4.554.335.181.816	3.903.653.114.247
Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.824.763.163	95.604.778.261

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Giá vốn hàng bán	4.251.451.869.055	3.549.057.485.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	147.711.897.468	95.580.167.405
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.548.806.028	4.732.619.809
Cộng	4.402.712.572.551	3.649.370.272.214

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.165.749	51.278.300
Lãi tiền gửi ký quỹ môi trường	2.128.403.016	1.992.157.576
Cộng	2.156.568.765	2.043.435.876

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lãi tiền vay	78.336.066.383	89.851.911.475
Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	5.885.730.000	(1.437.558.147)
Cộng	84.221.796.383	88.414.353.328

CO-C
TY
HUU T
P
AM
-T.P

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ	507.180.236	4.042.148.975
Thu nhập từ bán vật tư phụ tùng phế liệu	4.486.697.048	4.569.250.148
Thu từ bồi thường hiện vật	116.938.656	153.762.330
Thu phí sửa chữa đường mỏ	232.670.300	732.390.825
Thu nhập từ thu phí qua trạm cân	266.047.640	172.350.020
Thu hồi vật tư, phụ tùng phế liệu	2.531.866.690	227.330.877
Các khoản khác	<u>13.974.072.544</u>	<u>807.580.074</u>
Cộng	<u>22.115.473.114</u>	<u>10.704.813.249</u>

6.6 Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Tiền phạt hành chính	900.000	104.600.000
Chi phụ tùng, vật tư, dầu nhờn phế liệu	3.720.675.470	4.745.687.300
Bồi thường hao hụt do vận chuyển	28.473.260	139.026.670
Chi phí khấu hao tài sản ngừng hoạt động	534.556.306	596.423.712
Các khoản khác	<u>8.162.775.522</u>	<u>841.704.969</u>
Cộng	<u>12.447.380.558</u>	<u>6.427.442.651</u>

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	<u>110.731.301.024</u>	<u>201.952.302.598</u>
Chi phí nhân viên	28.001.779.133	25.180.990.163
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.650.117.720	9.302.821.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.165.871.211	8.236.907.371
Thuế phí và lệ phí	20.013.058.165	129.218.056.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.482.976.503	4.386.711.341
Chi phí khác bằng tiền	<u>37.417.498.292</u>	<u>25.626.815.140</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	26.197.129.519	20.917.886.401
Chi phí nhân viên	11.135.997.264	11.174.180.569
Chi phí vật liệu	11.880.037.637	6.643.622.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	497.762.171	357.105.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.620.682.447	2.695.002.044
Chi phí khác bằng tiền	62.650.000	47.976.000
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	136.928.430.543	222.870.188.999

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
a. Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố	4.474.802.921.617	3.822.530.376.569
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.062.286.034.179	969.210.317.783
Chi phí nhân công	352.916.274.256	328.295.377.203
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.674.353.124	191.287.180.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.931.108.138.554	1.578.682.121.849
Chi phí khác bằng tiền	838.818.121.504	755.055.379.124
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	4.474.802.921.617	3.822.530.376.569

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.556.302.717	9.162.680.611
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.121.806.823	44.923.884.441
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	7.659.706.760	889.518.616
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>7.659.706.760</i>	<i>889.518.616</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	97.781.513.583	45.813.403.057
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	97.781.513.583	45.813.403.057
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.556.302.717	9.162.680.611
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.556.302.717	9.162.680.611

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	70.565.504.106	35.761.203.830
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	70.565.504.106	35.761.203.830
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.846.773	26.846.773
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.628	1.332

51344
CÔNG
NHI
P
VIỆT
XU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.725.749.095.813
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.705.470.267.458
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

9046
G T
M H
C P
NAI
N -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Khoản đầu tư cổ phiếu của công ty có gốc là dài hạn, nhưng đến thời điểm 31/12/2018 được chuyển sang là chứng khoán kinh doanh và đã sẵn sàng để bán, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	368.101.547	-	368.101.547
Phải thu khách hàng	483.107.465.303	-	483.107.465.303
Đầu tư	21.799.000.000	-	21.799.000.000
Phải thu khác	11.544.960.209	74.733.214.095	86.278.174.304
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	(15.259.300.000)	-	(15.259.300.000)
Tổng cộng	501.560.227.059	74.733.214.095	576.293.441.154
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay và nợ	529.527.311.520	429.185.619.425	958.712.930.945
Phải trả người bán	552.500.109.556	-	552.500.109.556
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	232.206.034.136	-	232.206.034.136
Tổng cộng	1.314.233.455.212	429.185.619.425	1.743.419.074.637
Chênh lệch thanh khoản thuần	(811.374.283.801)	(354.452.405.330)	(1.165.826.689.131)
Ngày 01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.008.035	-	195.008.035
Phải thu khách hàng	2.281.014.597	-	2.281.014.597
Đầu tư	21.799.000.000	-	21.799.000.000
Phải thu khác	14.917.159.184	67.095.002.079	82.012.161.263
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	(9.373.570.000)	-	(9.373.570.000)
Tổng cộng	29.818.611.816	67.095.002.079	96.913.613.895
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	453.727.118.619	484.706.983.971	938.434.102.590
Phải trả người bán	433.934.931.017	-	433.934.931.017
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	188.064.065.244	-	188.064.065.244
Tổng cộng	1.075.726.114.880	484.706.983.971	1.560.433.098.851
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.045.907.503.064)	(417.611.981.892)	(1.463.519.484.956)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	483.107.465.303	2.281.014.597	483.107.465.303	2.281.014.597
<i>Phải thu khác</i>	86.278.174.304	82.012.161.263	86.278.174.304	82.012.161.263
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	21.799.000.000	21.799.000.000	6.539.700.000	12.425.430.000
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	368.101.547	195.008.035	368.101.547	195.008.035
Tổng cộng	591.552.741.154	106.287.183.895	576.293.441.154	96.913.613.895
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	958.712.930.945	938.434.102.590	958.712.930.945	938.434.102.590
<i>Phải trả người bán</i>	552.500.109.556	433.934.931.017	552.500.109.556	433.934.931.017
<i>Phải trả khác</i>	232.206.034.136	188.064.065.244	232.206.034.136	188.064.065.244
Tổng cộng	1.743.419.074.637	1.560.433.098.851	1.743.419.074.637	1.560.433.098.851

G

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh than (chiếm 97,6% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018), do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Ông Phạm Hồng Tài	Quảng Ninh	Chủ tịch HĐQT	-
Ông Phạm Văn Long	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	0,01%
Ông Phạm Thành Đông	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT; Giám đốc	-
Ông Phạm Hồng Lương	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	0,01%
Ông Nghiêm Chí Minh	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	-
Ông Trần Tuấn Anh	Hà Nội	Ủy viên HĐQT	-
Ông Nguyễn Văn Sinh	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,008%
Ông Phạm Quốc Việt	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,004%
Ông Vương Văn Biên	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,011%
Ông Mai Huy Giáp	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,009%
Bà Nguyễn Lan Chi	Quảng Ninh	Trưởng Ban kiểm soát	-
Ông Nguyễn Duy Tiến	Quảng Ninh	TV Ban Kiểm soát	0,001%
Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Quảng Ninh	TV Ban Kiểm soát	0,009%
Công ty cổ phần vật tư - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần Vận tải & Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-

134
CÔ
CH NH
P
VIỆ
XU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	Thái Nguyên	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ Phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần giám định - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty than Khe Chàm - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Trường Cao đẳng than - Khoáng sản Việt Nam	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Cty CP than Đèo Nai	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
TT điều dưỡng ngành than VVMI - CN TCT CN mỏ V bắc TKV - CTCP	Thanh Hóa	Cùng tập đoàn	-
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Tuyển than Cửa Ông	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Than Thống Nhất-TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tổng công ty khoáng sản-TKV	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc - TKV	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	51%

1064

KG T

ÊM P

KE

T NA

ÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2017</u> <u>(VND)</u>
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	3.431.437.619	1.397.620.307
Thu nhập của Hội đồng quản trị	885.441.847	484.729.500
Thu nhập Ban kiểm soát	662.826.847	305.705.500
Tổng	4.979.706.313	2.188.055.307

Số dư tại ngày 31/12/2018 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Tổng hợp vật tư, hàng hóa và dịch vụ mua của các bên liên quan
- Phụ biểu 02: Tổng hợp doanh thu bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan.
- Phụ biểu 03: Bảng kê than bán nội bộ tập đoàn
- Phụ biểu 04: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

Y
Đ. H.
M
T. P.

TỔNG HỢP MUA VẬT TƯ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ MUA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
	Tổng mua	1.362.421.520.173
1	Công ty cổ phần vật tư - TKV	598.053.588.754
	<i>Vật tư</i>	<i>598.053.588.754</i>
2	Chi nhánh HN - Công ty cổ phần vật tư TKV	2.108.358.100
	<i>Vật tư</i>	<i>2.108.358.100</i>
3	Công ty cổ phần Vận tải & Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	18.176.744.569
	<i>Dịch vụ vận chuyển công nhân</i>	<i>16.886.196.569</i>
	<i>Dịch vụ sửa chữa thiết bị</i>	<i>1.290.548.000</i>
4	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	350.272.535.729
	<i>Dịch vụ nổ mìn</i>	<i>350.272.535.729</i>
5	Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	26.562.291.432
	<i>Vật tư</i>	<i>6.554.415.790</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>20.007.875.642</i>
6	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	41.613.996.239
	<i>Vật tư</i>	<i>7.305.439.500</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>34.308.556.739</i>
7	Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	9.176.167.000
	<i>Vật tư</i>	<i>3.751.190.000</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>5.424.977.000</i>
10	Công ty cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin	62.479.933.000
	<i>Vật tư</i>	<i>60.814.042.000</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>1.665.891.000</i>
11	Công ty cổ phần DL và TM Vinacomin - CN Vân Long	618.125.000
	<i>Dịch vụ</i>	<i>618.125.000</i>
12	Công ty Cổ Phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI	5.901.214.000
	<i>Vật tư</i>	<i>5.901.214.000</i>
13	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	77.858.452.000
	<i>Vật tư</i>	<i>77.858.452.000</i>
14	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	2.632.427.000
	<i>Vật tư</i>	<i>2.632.427.000</i>
15	Công ty cổ phần giám định - Vinacomin	1.941.179.868
	<i>Dịch vụ</i>	<i>1.941.179.868</i>
16	Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc - TKV	1.176.132.512
	<i>Dịch vụ</i>	<i>1.176.132.512</i>
17	Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin	41.600.000
	<i>Dịch vụ</i>	<i>41.600.000</i>
18	Trường Cao đẳng than - Khoáng sản Việt Nam	320.369.727
	<i>Dịch vụ</i>	<i>320.369.727</i>
19	Công ty cổ phần phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	434.111.862
	<i>Dịch vụ</i>	<i>434.111.862</i>
20	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin	859.445.455
	<i>Dịch vụ</i>	<i>859.445.455</i>
21	Viện khoa học công nghệ mỏ - vinacomin	536.212.727
	<i>Dịch vụ</i>	<i>536.212.727</i>
22	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	35.623.911.441
	<i>Dịch vụ</i>	<i>35.623.911.441</i>

TỔNG HỢP MUA VẬT TƯ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ MUA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
23	Tạp chí than khoáng sản Việt Nam	15.000.000
	<i>Dịch vụ</i>	15.000.000
24	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	122.434.000
	<i>Dịch vụ</i>	122.434.000
25	Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	2.343.690.783
	<i>Vật tư</i>	352.223.700
	<i>Dịch vụ</i>	1.991.467.083
26	Công ty Cổ phần địa chất mỏ - TKV	352.943.353
	<i>Dịch vụ</i>	352.943.353
27	Bệnh viện than - khoáng sản	602.844.681
	<i>Dịch vụ</i>	602.844.681
28	Cty CP than Đèo Nai-vinacomin	114.335.916.177
	<i>Dịch vụ</i>	114.335.916.177
29	Công ty cổ phần địa chất và khoáng sản vinacomin	1.387.282.958
	<i>Dịch vụ</i>	1.387.282.958
30	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư than Uông Bí	437.895.851
	<i>Dịch vụ</i>	437.895.851
31	CN công ty xuất nhập khẩu - Vinacomin tại Quảng Ninh	1.466.500.000
	<i>Vật tư</i>	1.466.500.000
32	TT điều dưỡng ngành than VVMI - CN TCT CN mỏ V bắc TKV - CTCP	134.640.000
	<i>Dịch vụ</i>	134.640.000
33	Công ty Kinh Doanh than Nghệ Tĩnh	67.320.000
	<i>Dịch vụ</i>	67.320.000
34	CN tập đoàn CN than KS VN - Công ty than Khe Chàm TKV	153.880.000
	<i>Dịch vụ</i>	153.880.000
35	Công ty than Núi Hồng - VVMI	67.320.000
	<i>Dịch vụ</i>	67.320.000
36	CN công ty tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp vinacomin- xí nghiệp dịch vụ tổng hợp và xây dựng	233.225.000
	<i>Vật tư</i>	233.225.000
37	CN tập đoàn CN than KS VN - TT cấp cứu mỏ vinacomin	3.520.566.000
	<i>Dịch vụ</i>	3.520.566.000
38	Chi nhánh công ty cổ phần chế tạo máy - vinacomin	475.835.000
	<i>Vật tư</i>	475.835.000
39	Công ty CP du lịch và TM Vinacomin - CN Quảng Ninh	179.744.955
	<i>Dịch vụ</i>	179.744.955
40	CN công ty cổ phần vật tư - TKV Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	137.685.000
	<i>Vật tư</i>	137.685.000
	Tổng cộng	1.362.421.520.173

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

GIÁM ĐỐC






Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Biểu số 02

TỔNG HỢP DOANH THU BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
	Tổng bán	
1	Công ty cổ phần vật tư - TKV	27.900.000
	Dịch vụ	27.900.000
2	Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	5.198.869.728
	Vật tư	5.198.869.728
3	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	4.519.932.000
	Vật tư	4.519.932.000
4	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.507.493.200.195
	Hàng hóa	1.501.440.676.729
	Dịch vụ	6.052.523.466
5	Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV	3.052.894.505.087
	Hàng hóa	3.052.894.505.087
6	Công ty cổ phần giám định - Vinacomin	60.226.776
	Dịch vụ	60.226.776
7	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	380.774.240
	Dịch vụ	380.774.240
8	Công ty TNHH MTV khai thác khoáng Sản	244.783.440
	Dịch vụ	244.783.440
9	Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV	148.712.520
	Dịch vụ	148.712.520
10	CN tập đoàn CN than KSVN-Cty than Hạ Long-TKV	113.088.542
	Dịch vụ	113.088.542
11	Cty CP than Đèo Nai-vinacomin	27.064.447.113
	Dịch vụ	27.064.447.113
12	Công ty CN Hóa chất Mỏ QN - Tổng Cty CN Hóa Chất Mỏ - Vinacomin	528.011.200
	Dịch vụ	528.011.200
	Tổng cộng	4.598.674.450.841

NGƯỜI LẬP BIỂU

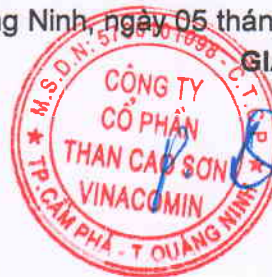
Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

BẢNG KÊ THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

TT	Tên đơn vị mua	Doanh thu	
		Số lượng (tấn)	Giá trị VNĐ
A	B		
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	984.997,89	1.501.440.676.729
2	Công ty Tuyển than Cửa Ông - Vinacomin	1.958.008,19	3.052.894.505.087
	Tổng cộng	2.943.006	4.554.335.181.816

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

313440
CÔNG
CH NHIỆ
P
VIỆT
XU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Biểu số 04

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ, ĐẦU TƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	121	331	338
A	CÁC KHOẢN PHẢI THU	482.961.918.209	-	-	-
I	NGÂN HẠN	482.961.918.209	-	-	-
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	216.215.648.287	-	-	-
2	CN Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam - Cty than Thống Nhất - TKV	83.239.222	-	-	-
3	Công ty Tuyên than Cửa Ông - TKV	266.348.113.244	-	-	-
4	Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV	57.116.136	-	-	-
5	CN tập đoàn CN than KSVN - Cty than Hạ Long - TKV	126.021.848	-	-	-
6	Công ty CN Hóa chất Mỏ QN - Tổng Cty CN Hóa Chất Mỏ - Vinacomin	131.779.472	-	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
B	ĐẦU TƯ	-	21.799.000.000	-	-
I	NGÂN HẠN	-	21.799.000.000	-	-
1	Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả	-	21.799.000.000	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
C	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ	-	-	181.460.336.300	-
I	NGÂN HẠN	-	-	181.460.336.300	-
1	Tập đoàn Công nghiệp Than KS Việt Nam	-	-	-	-
2	Công ty cổ phần vật tư - TKV	-	-	47.995.095.780	-
3	Chi nhánh HN - Công ty cổ phần vật tư TKV	-	-	141.805.410	-
4	Công ty cổ phần Vận tải & Đưa đón thợ Mỏ - Vinacomin	-	-	1.155.883.566	-
5	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	-	-	17.040.000.800	-
6	Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	-	-	9.974.667.222	-
7	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	9.549.613.621	-
8	Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	2.616.883.000	-
9	Công ty cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin	-	-	28.783.070.025	-
10	Công ty Cổ Phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI	-	-	407.652.945	-
11	Công ty TNHH 1TV thương mại và dịch vụ ITASCO (Công ty CP đầu tư TM và DV - vinacomin)	-	-	257.895.990	-
12	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	-	-	24.390.529.482	-
13	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	-	-	963.939.166	-
14	Công ty cổ phần giám định - Vinacomin	-	-	152.727.945	-



Bản thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Biểu số 04

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ, ĐẦU TƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ		
		131	121	331
15	Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc - TKV			1.293.745.763
16	Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin			19.748.300
17	Trường Cao đẳng than - Khoáng sản Việt Nam			250.137.000
18	Viện khoa học công nghệ mỏ - vinacomin			583.330.000
19	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV			10.474.269.362
20	Tập chí than khoáng sản Việt Nam			16.500.000
21	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin			89.000
22	Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin			1.351.265.811
23	Công ty Cổ phần địa chất mỏ - TKV			388.237.688
24	Bệnh viện than - khoáng sản			100.066.381
25	Cty CP than Đèo Nai-vinacomin			17.729.052.754
26	Công ty cổ phần địa chất và khoáng sản vinacomin			1.526.011.253
27	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư than Uông Bí			481.685.436
28	CN công ty xuất nhập khẩu - Vinacomin tại Quảng Ninh			1.613.150.000
29	CN công ty tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp vinacomin- xí nghiệp dịch vụ tổng hợp và xây dựng			256.547.500
30	CN tập đoàn CN than KS VN - TT cấp cứu mỏ vinacomin			1.872.622.600
31	Chi nhánh công ty cổ phần chế tạo máy - vinacomin			74.112.500
II	DÀI HẠN			-
C	CHI PHÍ PHẢI TRẢ			-
I	NGẮN HẠN			-
II	DÀI HẠN			-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông



Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin.
2. Mã chứng khoán: TCS
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
4. Điện thoại: 0203.3862337, Fax: 0203.3863945
5. Người thực hiện công bố thông tin: Doãn Mạnh Hà
Địa chỉ: Số nhà 11, Phố Võ Huy Tâm, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Điện thoại: DD:0912330997, Cơ quan: 02033711309, Nhà riêng: 0203 3713183
Fax: 0203 3863945
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính năm 2018 sau kiểm toán của Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin bao gồm: BCĐKT, KQSXKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận so với BCTC trước kiểm toán.
7. Toàn bộ báo cáo tài chính được đăng tải vào ngày 08/03/2019 tại đường dẫn www.thancaoson.com.vn chọn mục quan hệ cổ đông, báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Ủy viên HĐQT, BKS
- Lưu VT, VP HĐQT

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Doãn Mạnh Hà